

Số: /QĐ-SKHCN

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch- Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, các Trưởng/Phó phòng và các Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Phòng QLCN (đăng web);
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Kỳ Hạng

Biểu số 1

Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng
9 năm 2018 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÁNH HÒA
Chương: 417

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021.**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày 01 /02/2021 của Sở KH&CN Khánh Hòa)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị SỞ KH&CN
1	2	3	4=5+6+...	5
	Mã sử dụng ngân sách			
A	Thu chi Ngân sách về phí, lệ phí			
1	Thu phí, lệ phí			
	Số thu phí, lệ phí	133	130	130
	- Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	110	109	109
	- Số phí, lệ phí nộp ngân sách	23	21	21
2	Thu khác			
B	Dự toán chi NSNN	35.371	26.722	26.722
	Trong đó : - Kinh phí thực hiện tự chủ	5.305	4.651	4.651
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	30.066	22.071	22.071
I	Quản lý hành chính (chương 417, khoản 341)	4.796	4.796	4.796
1.	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	3.884	3.884	3.884
	- Kinh phí tiền lương theo ND 47/2016/ND-CP	3.012	3.012	3.012
	'-Kinh phí định mức	872	872	872
2.	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)	567	567	567
	- BS tiền lương theo ND 47/2017/ND-CP, ND 72/2018/ND-CP, ND 38/2019/ND-CP	470	470	470
	- 10% Tiết kiệm	97	97	97
3.	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	345	345	345
	- Bổ sung chế độ lễ, Tết Nguyên đán	50	50	50
	- Trang phục thanh tra (03 người)	15	15	15
	- Chi xử phạt vi phạm hành chính	30	30	30

	"- Triển khai các biện pháp phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện sớm sự cố; Tổ chức đánh giá các nguy cơ, sự cố an toàn thông tin mạng	250	250	250
"				
II	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	30.575	21.926	21.926
1	Chi hoạt động đơn vị sự nghiệp (Khoản 103)	886	232	232
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12)	767	200	200
	Tiền lương theo NĐ 47 Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2021	659	200	200
	Kinh phí định mức	108	0	0
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương (nguồn 14)	87	0	0
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	12	0	0
	- Bổ sung lương theo NĐ 47/2017/NĐ-CP	75	0	0
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12)	32	32	32
	- Bổ sung chế độ lễ, Tết Nguyên đán	32	32	32
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	29.689	21.694	21.694
	Sự nghiệp khoa học tỉnh giao Sở KHCN	21.504	21.504	21.504
	Sự nghiệp khoa học tỉnh phân bổ hỗ trợ các sở ban ngành, huyện, thành phố	1.652		
	Sự nghiệp khoa học cơ sở giao Sở KHCN	190	190	190
	Sự nghiệp khoa học cơ sở Điều chỉnh chuyên cho các sở ban ngành, huyện, thành phố	1.960		
	Sự nghiệp khoa học chưa phân bổ (tỉnh: ; cơ sở)	4.383		
	Trong đó Chi tiết số phân bổ Sở KHCN	21.694	21.694	21.694
2.1	Hoạt động nghiên cứu triển khai và áp dụng KHCN (khoản 101)	10.200	10.200	10.200
	- Các Chương trình KH&CN của tỉnh	10.200	10.200	10.200
	- Các đề tài khoa học tự nhiên			
2.2	Hoạt động nghiên cứu KHXX (khoản 102)	2.800	2.800	2.800
	- Các Chương trình KHXX&NV của tỉnh	2.800	2.800	2.800
	- Các đề tài khoa học xã hội và nhân văn			
2.3	Hoạt động khoa học khác (khoản 103)	8.504	8.504	8.504
2.3.1	Văn phòng Sở (khoản 103)	5.048	5.048	5.048
	- Thanh tra KH&CN	157	157	157
	- Hoạt động quản lý chuyên ngành	1.170	1.170	1.170
	- Hội đồng KH tỉnh và công tác quản lý đề tài dự án	2.085	2.085	2.085
	- Đào tạo tập huấn , hợp tác KHCN	250	250	250
	'-Tổ chức xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ Khánh Hòa lần thứ II	1.386	1.386	1.386
	- Mua sắm trang thiết bị phục vụ QLNN	0	0	0

	và công tác quản lý đề tài			
2.3.2	Chi cục TCĐLCL (khoản 103)	3.456	3.456	3.456
	Công tác tiêu chuẩn hóa và quản lý chất lượng	2.045	2.045	2.045
	Công tác quản lý đo lường	7	7	7
	Công tác kiểm tra, kiểm soát	574	574	574
	Hoạt động thực thi điều ước quốc tế có liên quan TBT tại Khánh Hòa	85	85	85
	Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	120	120	120
	Triển khai HT QLCL theo TCVN ISO 9001: 2008 trong các cơ quan HCNN	45	45	45
	Triển khai dự án năng suất chất lượng	0	0	0
	Công tác khảo sát	80	80	80
	Triển khai đề án 996	500	500	500
2.3.3	Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL	0	0	0
2.3.4	Trung tâm UDTBKT	0	0	0
2.3.5	Phân chi SNKH cơ sở cho Sở KHCN	190	190	190
	- Đề tài tự nhiên (khoản 101)	190	190	190
	- Đề tài xã hội (khoản 102)		0	0
Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÁNH HÒA
Chương: 417

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKH&CN ngày 01 /02/2021 của Sở KH&CN Khánh Hòa)
(VP SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Mã sử dụng ngân sách	1021455
A	Thu chi Ngân sách về phí, lệ phí	
1	Thu phí, lệ phí	
	Số thu phí, lệ phí	130
	- Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	109
	- Số phí, lệ phí nộp ngân sách	21
2	Thu khác	
B	Dự toán chi NSNN	21.604
	Trong đó : - Kinh phí thực hiện tự chủ	3.228
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	18.376
I	Quản lý hành chính (chương 417, khoản 341)	3.556
1.	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	2.801
	- Kinh phí tiền lương theo ND 47/2016/ND-CP	2.127
	'-Kinh phí định mức	674
2.	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (nguồn 14)	427
	- BS tiền lương theo ND 47/2017/ND-CP, ND 72/2018/ND-CP, ND 38/2019/ND-CP	352
	- 10% Tiết kiệm	75
3.	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	328
	- Bổ sung chế độ lễ, Tết Nguyên đán	33
	- Trang phục thanh tra (03 người)	15
	- Chi xử phạt vi phạm hành chính	30
	"- Triển khai các biện pháp phòng ngừa sự cố, giám sát phát hiện sớm sự cố; Tổ chức đánh giá các nguy cơ, sự cố an toàn thông tin mạng	250
II	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	18.048
1	Chi hoạt động đơn vị sự nghiệp	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	18.048
	Trong đó Chi tiết số phân bổ Sở KHCN	18.048
2.1	Hoạt động nghiên cứu triển khai và áp dụng	10.200

	KHCN (khoản 101)	
	- Các Chương trình KH&CN của tỉnh	0
	- Các đề tài khoa học tự nhiên	10.200
2.2	Hoạt động nghiên cứu KHXX (khoản 102)	2.800
	- Các Chương trình KHXX&NV của tỉnh	0
	- Các đề tài khoa học xã hội và nhân văn	2.800
2.3	Hoạt động khoa học khác (khoản 103)	5.048
2.3.1	Văn phòng Sở (khoản 103)	5.048
	- Thanh tra KH&CN	157
	- Hoạt động quản lý chuyên ngành	1.170
	- Hội đồng KH tỉnh và công tác quản lý đề tài dự án	2.085
	- Đào tạo tập huấn , hợp tác KHCN	250
	'-Tổ chức xét tặng giải thưởng khoa học và công nghệ Khánh Hòa lần thứ II	1.386
	- Mua sắm trang thiết bị phục vụ QLNN và công tác quản lý đề tài	0
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	